

Số/No.: 206 /HT1-TK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026
Ho Chi Minh City, January 20, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

To: - *The State Securities Commission;*
- *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Xi Măng VICEM Hà Tiên

Name of organization: VICEM Ha Tien Cement Joint Stock Company

- Mã chứng khoán: HT1

Stock code: HT1

- Địa chỉ trụ sở chính: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Head Office Address: No. 604, Vo Van Kiet street, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

- Điện thoại/Tel.: (028) 38368363 Fax: (028) 38361278

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2025, gồm: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất, Giải trình kết quả kinh doanh Quý IV năm 2025.

Financial Statements for the Fourth Quarter of 2025, including: Separate Financial Statements, Consolidated Financial Statements, Explanation of business results for the Fourth Quarter of 2025.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/01/2026 tại đường dẫn <https://www.vicemhatien.com.vn/quan-he-co-dong>

This information was published on the company's website on January 20, 2026 (date), as in the link <https://www.vicemhatien.com.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên;
- HĐQT (để b/cáo);
- Ban TGD (để b/cáo);
- BKS;
- KTPC, TCKT (để p/hợp);
- Lưu/*Archived*: VT, TK.

**Người được UQ CBTT/
Information disclosure authorized Person**



Nguyễn Thị Thanh Vượng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

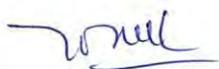
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.657.313.551.722	1.903.995.283.234
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	518.180.034.470	848.514.761.917
1. Tiền	111		518.180.034.470	348.010.052.607
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.504.709.310
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	17.729.476.303	17.014.852.499
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.729.476.303	17.014.852.499
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		308.389.614.241	342.021.939.954
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	173.843.871.958	240.158.234.166
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	74.120.654.747	39.264.959.715
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	60.425.087.536	62.598.746.073
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	682.597.019.484	646.113.879.205
1. Hàng tồn kho	141		692.973.836.025	656.799.316.365
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.376.816.541)	(10.685.437.160)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		130.417.407.224	50.329.849.659
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	55.965.997.458	30.872.305.027
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		64.288.384.064	19.456.982.703
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	10.163.025.702	561.929
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.943.034.116.026	6.319.360.390.914
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.796.856.223	22.685.480.453
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	26.796.856.223	22.685.480.453
II. Tài sản cố định	220		4.545.785.513.620	5.073.753.112.455
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.934.231.541.812	4.432.838.028.375
Nguyên giá	222		13.891.879.344.375	13.905.242.711.058
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.957.647.802.563)	(9.472.404.682.683)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	611.553.971.808	640.915.084.080
Nguyên giá	228		695.580.706.635	693.016.313.071
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(84.026.734.827)	(52.101.228.991)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		697.243.471.423	526.184.269.240
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	697.243.471.423	526.184.269.240
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	32.025.000.000	36.484.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		56.000.000.000	56.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(23.975.000.000)	(19.516.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		641.183.274.760	660.253.528.766
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	529.238.378.054	534.497.647.239
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	12.085.628.149	12.048.302.483
3. Thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		99.825.788.867	113.640.619.670
4. Lợi thế thương mại	269		33.479.690	66.959.374
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.600.347.667.748	8.223.355.674.148

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.511.538.525.960	3.348.030.896.424
I. Nợ ngắn hạn	310		2.460.075.502.855	3.327.002.972.589
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.108.584.352.425	1.130.188.504.916
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	120.473.854.038	75.684.116.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	77.403.802.712	28.191.984.961
4. Phải trả người lao động	314		148.903.624.829	102.292.690.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	10.971.794.731	10.635.740.111
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	114.164.716.079	132.430.538.991
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	222.896.044.268	223.151.050.239
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	589.338.686.137	1.511.389.960.951
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1.161.756.592	922.267.989
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66.176.871.044	112.116.117.578
II. Nợ dài hạn	330		51.463.023.105	21.027.923.835
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	28.431.860.606	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	202.995.873	276.070.093
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	22.828.166.626	20.751.853.742
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.088.809.141.788	4.875.324.777.724
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.088.809.141.788	4.875.324.777.724
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	3.815.899.110.000	3.815.899.110.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>3.815.899.110.000</i>	<i>3.815.899.110.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	70.877.131.506	70.877.131.506
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	918.345.539.128	918.345.539.128
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		273.733.888.504	60.446.262.724
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>271.624</i>	<i>300.082.255</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>273.733.616.880</i>	<i>60.146.180.469</i>
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.953.472.650	9.756.734.366
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.600.347.667.748	8.223.355.674.148

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026



Nguyễn Thị Loan
Người lập biểu



Nguyễn Nho Lương
Kế Toán Trưởng



CÔNG TY
CỔ PHẦN
XI MĂNG
VICEM HÀ TIÊN
P. CẦU LÔNG LÁNH - HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Thắng
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIỀN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

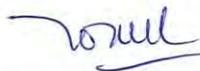
Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2025

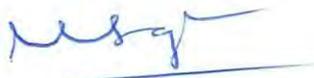
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.125.027.173.514	1.960.321.755.193	7.963.542.745.613	7.360.182.839.307
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	145.258.568.200	117.370.251.165	599.554.685.809	475.937.142.170
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.979.768.605.314	1.842.951.504.028	7.363.988.059.804	6.884.245.697.137
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.706.265.684.237	1.638.741.813.598	6.443.931.529.152	6.238.997.893.894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		273.502.921.077	204.209.690.430	920.056.530.652	645.247.803.243
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.688.215.088	3.410.949.116	22.379.427.090	9.617.298.945
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.364.308.463	20.349.036.874	87.982.814.701	95.844.715.287
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.404.704.344	12.713.672.028	42.394.816.479	53.892.973.542
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	60.123.082.341	53.676.296.319	196.809.738.403	185.589.405.232
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	93.094.739.513	81.863.192.446	299.650.391.018	284.594.667.829
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		106.609.005.848	51.732.113.907	357.993.013.620	88.836.313.840
11 Thu nhập khác	31	VI.7	2.689.777.137	-	3.440.094.700	11.198.046.102
12 Chi phí khác	32	VI.8	(6.441.057.326)	14.350.671.110	11.069.978.355	19.259.937.884
13 Lợi nhuận khác	40		9.130.834.463	(14.350.671.110)	(7.629.883.655)	(8.061.891.782)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		115.739.840.311	37.381.442.797	350.363.129.965	80.774.422.058
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		29.613.494.804	13.659.514.884	76.543.174.687	23.577.437.958
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	1.103.540.113	2.352.172.640	(110.399.886)	(3.165.435.420)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		85.022.805.394	21.369.755.273	273.930.355.164	60.362.419.520
18 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		84.918.592.190	21.262.557.975	273.733.616.880	60.146.180.469
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		104.213.204	107.197.298	196.738.284	216.239.051
20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>223</u>	<u>56</u>	<u>717</u>	<u>158</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026



Nguyễn Thị Loan
Người lập biểu



Nguyễn Nho Lương
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Quốc Thắng
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			QIV.2025	QIV.2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		350.363.129.965	80.774.422.058
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		582.286.833.135	558.735.076.509
- Các khoản dự phòng	03		6.466.180.868	(30.444.391.639)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có	04		(11.834.163)	(880.231.755)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23.128.371.237)	(18.912.488.643)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	42.394.816.479	53.892.973.542
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		958.370.755.047	643.165.360.072
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.361.654.099)	115.929.305.624
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.359.688.857)	240.024.194.039
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		24.383.157.906	(174.705.603.278)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(19.834.423.246)	(119.976.092.912)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(42.581.557.077)	(55.510.393.425)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.899.105.358)	(13.508.786.500)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.172.000	272.485.456
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(67.830.739.320)	(63.705.899.860)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		796.888.916.996	571.984.569.216
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(219.193.226.122)	(109.271.761.124)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.373.837.114	12.186.358.569
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(714.623.804)	(825.567.847)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.910.105.645	5.486.664.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(195.623.907.167)	(92.424.305.508)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			QIV.2025	QIV.2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.967.621.127.295	3.813.711.880.178
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.861.240.541.503)	(3.880.357.503.411)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38.177.667.800)	(172.344.136.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(931.797.082.008)	(238.989.760.033)
Lưu chuyển tiền thuần trong quý	50		(330.532.072.179)	240.570.503.675
Tiền và tương đương tiền đầu quý	60	V.1	848.514.761.917	607.069.497.529
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		197.344.732	874.760.713
Tiền và tương đương tiền cuối quý	70	V.1	518.180.034.470	848.514.761.917

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026



Nguyễn Thị Loan
 Người lập biểu



Nguyễn Nho Lương
 Kế Toán Trưởng


 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN
 P. CẦU LÔNG LÁNH - T. P. HỒ CHÍ MINH
 Nguyễn Quốc Thắng
 Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý IV năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; xây dựng dân dụng; kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng); xây dựng công trình giao thông (theo hình thức B.O.T); khai thác đá, cát, sỏi, và đất sét; và thu gom, xử lý rác thải, tái chế phế liệu.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: 12 tháng
- Cấu trúc Công ty**:
Vào ngày 31/12/2025, Công ty có một (01) công ty con như sau:
 - Tên công ty: Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ
 - Địa chỉ: Tầng 35, Tòa nhà The Nexus, Số 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam
 - Tỷ lệ góp vốn: 65%
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 65%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư số 200"); Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư số 202") do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Nhóm Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200, Thông tư số 202 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng**
Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--------------------------------|---|
| Nguyên vật liệu | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và sản phẩm dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng tồn kho bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho bất động

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hàng tồn kho bất động sản bao gồm chi phí tư vấn, chi phí thiết kế và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất được mua hoặc thuê bởi Nhóm Công ty. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được xác định hoặc có thời hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng có thời hạn, chủ yếu bao gồm tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê, trong khi các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn thì không được phân bổ.

Quyền thu phí giao thông

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và các cơ quan chủ quản của Nhà nước. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo hợp đồng đã ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (không bao gồm quyền thu phí giao thông) được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm vi tính	3 - 8 năm
Bản quyền	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 - 25 năm

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm) được quy định theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng, hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

8. Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

10. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu đối với giao dịch bán hàng theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng khi:

- Đến hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định của chương trình và không được hưởng hàng hóa miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá; hoặc
- Người mua đạt được đủ điều kiện theo quy định của chương trình và Nhóm Công ty đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế TNDN phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIẾN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	2.300.051.411	1.295.987.425
Tiền gửi ngân hàng	515.879.983.059	346.714.065.182
Các khoản tương đương tiền	-	500.504.709.310
Cộng	518.180.034.470	848.514.761.917

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	17.729.476.303	17.729.476.303	17.014.852.499	17.014.852.499

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Đầu tư vào các công ty khác		32.025.000.000		36.484.000.000
- Công Ty Cổ Phần Cao su Bến Thành	2.310.000	42.000.000.000	2.310.000	42.000.000.000
- Công Ty Cổ Phần VICEM Thạch cao Xi măng	700.000	14.000.000.000	700.000	14.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác		(23.975.000.000)		(19.516.000.000)
Tổng cộng		32.025.000.000		36.484.000.000

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu từ khách hàng	171.252.319.025	239.733.226.890
- Công ty Cổ phần Siêu Thị Vật Liệu Xây Dựng Thế Giới Nhà	38.357.523.000	83.552.369.654
- Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	32.817.632.750	38.136.231.667
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Bảo An Sài Gòn	30.540.140.641	32.381.733.831
- Công ty Cổ phần Thương mại Phương Nam	27.531.840.003	28.913.971.791
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đức Thành	28.139.894.524	24.804.815.192
- Các khoản phải thu khách hàng khác	13.865.288.107	31.944.104.755
Phải thu từ các bên liên quan	2.591.552.933	425.007.276
Tổng cộng	173.843.871.958	240.158.234.166

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiết phải thu của các bên liên quan:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	1.059.129.943	339.155.135
Công ty Cổ phần Logistics Vicem	1.423.400.844	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	109.022.146	85.852.141
Cộng	2.591.552.933	425.007.276

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước cho người bán	73.827.725.381	39.119.006.715
- Hefei Cement Research & Design Institute Corporation Ltd	843.861.281	7.487.041.151
- Công Ty Cổ Phần XNK Thiết Bị và Công Nghệ	-	4.165.001.598
- Công Ty Cổ Phần Đức Việt 568	5.995.200.000	5.995.200.000
- Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn DAT	11.262.158.352	-
- Công Ty Cổ Phần Kiến Trúc Xây Dựng Và Thương Mại Top House	7.971.500.000	-
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Bình Minh	10.229.278.220	-
- Công Ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp và Hệ thống Kỹ thuật Lilama 69-3	15.797.460.606	-
- Các khoản trả trước khác	21.728.266.922	21.471.763.966
Trả trước cho các bên liên quan	292.929.366	145.953.000
Tổng cộng	74.120.654.747	39.264.959.715

Chi tiết trả trước cho các bên liên quan:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công Ty Tư Vấn Đầu tư Phát Triển Xi măng	292.929.366	145.953.000
Cộng	292.929.366	145.953.000

5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền hỗ trợ nghỉ việc do di dời TNTĐ	53.574.127.500	53.574.127.500
Các khoản phải thu khác	6.850.960.036	9.024.618.573
Cộng	60.425.087.536	62.598.746.073

b. Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ký quỹ dài hạn	26.796.856.223	22.685.480.453

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	343.327.899.672	(10.376.816.541)	355.863.133.894	(10.685.437.160)
Công cụ, dụng cụ	3.790.303.927		4.316.982.598	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.460.594.552		15.693.529.615	
Thành phẩm	328.395.037.874		280.483.259.147	
Hàng hóa	-		442.411.111	
Cộng	692.973.836.025	(10.376.816.541)	656.799.316.365	(10.685.437.160)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	3.607.833.929.909	9.225.119.108.172	315.882.388.952	58.947.919.859	697.459.364.166	13.905.242.711.058
Mua trong kỳ	651.360.000	14.023.191.572	5.499.742.727	1.234.915.300	-	21.409.209.599
Đầu tư XD CB hoàn thành	28.084.008.797	869.450.101	-	-	-	28.953.458.898
Thanh lý, nhượng bán	(4.307.686.207)	(18.686.994.291)	(40.137.823.795)	(593.530.887)	-	(63.726.035.180)
Số cuối kỳ	3.632.261.612.499	9.221.324.755.554	281.244.307.884	59.589.304.272	697.459.364.166	13.891.879.344.375
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	1.999.976.742.898	6.716.373.444.193	280.468.115.279	47.958.093.150	427.628.287.163	9.472.404.682.683
Khấu hao trong kỳ	113.330.815.731	401.631.886.706	6.405.868.260	3.568.542.296	24.025.076.467	548.962.189.460
Thanh lý, nhượng bán	(4.300.720.607)	(18.686.994.291)	(40.137.823.795)	(593.530.887)	-	(63.719.069.580)
Số cuối kỳ	2.109.006.838.022	7.099.318.336.608	246.736.159.744	50.933.104.559	451.653.363.630	9.957.647.802.563
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	1.607.857.187.011	2.508.745.663.979	35.414.273.673	10.989.826.709	269.831.077.003	4.432.838.028.375
Số cuối kỳ	1.523.254.774.477	2.122.006.418.946	34.508.148.140	8.656.199.713	245.806.000.536	3.934.231.541.812

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	548.066.173.755	101.854.072.005	3.247.354.120	31.499.684.630	8.349.028.561	693.016.313.071
Mua trong kỳ	-	-	-	2.402.000.000	3.416.000.000	5.818.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.464.097.876)	(1.789.508.560)	-	-	-	(3.253.606.436)
Số cuối kỳ	546.602.075.879	100.064.563.445	3.247.354.120	33.901.684.630	11.765.028.561	695.580.706.635
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	8.079.353.117	9.717.048.615	3.247.354.120	28.542.756.212	2.514.716.927	52.101.228.991
Hao mòn trong kỳ	31.115.451.488	519.964.395	-	1.190.597.892	968.669.430	33.794.683.205
Thanh lý, nhượng bán	(79.668.809)	(1.789.508.560)	-	-	-	(1.869.177.369)
Số cuối kỳ	39.115.135.796	8.447.504.450	3.247.354.120	29.733.354.104	3.483.386.357	84.026.734.827
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	539.986.820.638	92.137.023.390	-	2.956.928.418	5.834.311.634	640.915.084.080
Số cuối kỳ	507.486.940.083	91.617.058.995	-	4.168.330.526	8.281.642.204	611.553.971.808

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Các dự án tại Bình Phước	175.467.699.878	69.553.790.129
Dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên - Nhà máy xi măng Bình Phước	200.505.175.327	200.505.175.327
Các dự án tại Kiên Lương	280.928.108.171	234.405.695.588
Khác	40.342.488.047	21.719.608.196
Cộng	697.243.471.423	526.184.269.240

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vật tư tiêu hao	53.455.873.656	28.280.271.417
Chi phí bảo hiểm	2.510.123.802	2.592.033.610
Cộng	55.965.997.458	30.872.305.027

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

b. Dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	140.970.689.757	119.534.154.655
Vật tư tiêu hao	34.113.469.499	34.503.697.026
Chi phí sửa chữa lớn	32.436.588.832	38.305.689.103
Chi phí giải phóng mặt bằng	106.412.519.874	110.096.463.499
Chi phí bốc tâng phủ, hồ lắng, hồ thu	117.277.424.905	127.156.835.315
Chi phí hoạt động B.O.T Phú Hữu	49.339.415.498	52.358.158.913
Khác	48.688.269.689	52.542.648.728
Cộng	529.238.378.054	534.497.647.239

11. Vay ngắn hạn và vay dài hạn**a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	589.338.686.137	589.338.686.137	2.939.189.266.689	(3.861.240.541.503)	1.511.389.960.951	1.511.389.960.951
Cộng	589.338.686.137	589.338.686.137	2.939.189.266.689	(3.861.240.541.503)	1.511.389.960.951	1.511.389.960.951

b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	28.431.860.606	28.431.860.606	28.431.860.606	-	-	-
Cộng	28.431.860.606	28.431.860.606	28.431.860.606	-	-	-

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	896.167.311.185	896.167.311.185	825.511.068.931	825.511.068.931
Phải trả cho các bên liên quan	212.417.041.240	212.417.041.240	304.677.435.985	304.677.435.985
Cộng	1.108.584.352.425	1.108.584.352.425	1.130.188.504.916	1.130.188.504.916

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiết phải trả các bên liên quan:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	112.291.918.872	192.297.270.996
Công ty Cổ phần Logistics Vicem	63.843.980.875	74.917.995.124
Công ty Tư vấn Đầu Tư Phát Triển Xi măng	257.061.993	451.426.934
Công ty Cổ phần Vicem Bao Bì Hải Phòng	2.396.468.106	613.440.000
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	2.742.467.574	1.090.485.990
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	18.631.290.135	20.183.747.309
Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng	10.752.393.405	12.014.549.856
Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành	1.501.460.280	3.108.519.776
Cộng	212.417.041.240	304.677.435.985

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Người mua trả tiền trước	120.280.444.038	75.518.336.525
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại Thanh Trí	46.846.268.020	3.642.165.572
- Văn phòng điều phối CT MTQG XD Nông Thôn mới Tỉnh Bình Phước	-	13.172.824.380
- Công ty TNHH Sản xuất Vôi – Thương mại – Dịch vụ Thống Nhất	2.789.763.434	12.194.643.864
- Người mua trả tiền trước khác	70.644.412.584	46.508.702.709
Người mua trả tiền trước bên liên quan	193.410.000	165.780.000
Tổng cộng	120.473.854.038	75.684.116.525

Chi tiết người mua trả tiền trước bên liên quan:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quốc Tế	193.410.000	165.780.000
Cộng	193.410.000	165.780.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Phải nộp**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế giá trị gia tăng	3.281.629.825	2.017.875.039
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.722.859.088	13.078.789.759
Thuế thu nhập cá nhân	2.711.820.759	7.005.519.243
Thuế tài nguyên	5.719.837.686	4.413.660.436
Các loại thuế khác	1.967.655.354	1.676.140.484
Cộng	<u>77.403.802.712</u>	<u>28.191.984.961</u>

b. Phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền thuê đất	10.163.025.702	-
Thuế khác	-	561.929
Cộng	<u>10.163.025.702</u>	<u>561.929</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ tiêu thụ nội địa của Công ty là 8% và 10%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Lãi vay	1.031.159.488	992.442.283
Tiền thuê đất	96.617.617	1.099.483.824
Tái chế bao bì	5.415.022.556	4.934.915.005
Khác	4.428.995.070	3.608.898.999
Cộng	<u>10.971.794.731</u>	<u>10.635.740.111</u>

16. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thu tiền dự án khu nhà ở CBCNV NMBP	201.418.319.952	201.417.459.511
Kinh phí công đoàn	1.969.966.437	1.925.228.539
Cổ tức phải trả	6.875.956.700	6.894.633.400
Các khoản phải trả khác	12.631.801.179	12.913.728.789
Cộng	<u>222.896.044.268</u>	<u>223.151.050.239</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện khoản doanh thu chưa thực hiện chủ yếu phát sinh từ chương trình khách hàng truyền thống.

18. Dự phòng phải trả**a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	1.161.756.592	922.267.989
Cộng	1.161.756.592	922.267.989

b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí phục hồi môi trường	22.828.166.626	20.751.853.742

19. Thuế thu nhập hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	QIV.2025	QIV.2024
Chi phí phải trả	10.407.139.026	10.475.449.408	1.218.314.328	2.363.875.495
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.717.958.069	1.747.805.218	-	(231.662.690)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(39.468.946)	(174.952.143)	(41.699.995)	300.277.197
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12.085.628.149	12.048.302.483		
Dự phòng đầu tư vào công ty con	(202.995.873)	(276.070.093)	(73.074.220)	(80.317.362)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(202.995.873)	(276.070.093)		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			1.103.540.113	2.352.172.640

20. Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn đầu tư của Nhà nước	3.041.025.880.000	3.041.025.880.000
Vốn góp của các cổ đông khác	774.873.230.000	774.873.230.000
Thặng dư vốn cổ phần	70.877.131.506	70.877.131.506
Cộng	3.886.776.241.506	3.886.776.241.506

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các quỹ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	918.345.539.128	918.345.539.128
Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu phát hành	381.589.911	381.589.911
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	381.589.911	381.589.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	381.589.911	381.589.911
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	381.589.911	381.589.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	381.589.911	381.589.911
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		
21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nợ khó đòi đã xử lý	1.395.687.412	1.395.687.412
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	778.526	1.237.255
Euro (EUR)	13	34
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	QIV.2025	QIV.2024
Tổng doanh thu	2.125.027.173.514	1.960.321.755.193
- Xi măng, clinker	2.068.351.607.863	1.926.970.275.325
- Dịch vụ thu phí giao thông	43.742.948.295	31.240.768.692
- Cát ISO, khác	12.932.617.356	2.110.711.176
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Chiết khấu thương mại	145.258.568.200	117.370.251.165
Doanh thu thuần	1.979.768.605.314	1.842.951.504.028

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. Giá vốn hàng bán

	QIV.2025	QIV.2024
Xi măng, clinker	1.692.062.084.421	1.628.795.642.351
Dịch vụ thu phí giao thông	11.822.542.771	8.424.333.662
Cát ISO, khác	2.381.057.045	1.521.837.585
Cộng	1.706.265.684.237	1.638.741.813.598

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	QIV.2025	QIV.2024
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.270.133.643	2.502.082.307
Lãi chênh lệch tỷ giá	418.081.445	884.170.809
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	24.696.000
Cộng	6.688.215.088	3.410.949.116

4. Chi phí tài chính

	QIV.2025	QIV.2024
Chi phí lãi vay	7.404.704.344	12.713.672.028
Chiết khấu thanh toán	11.609.706.200	10.738.940.650
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.897.919	(13.075.804)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	1.344.000.000	(3.090.500.000)
Cộng	20.364.308.463	20.349.036.874

5. Chi phí bán hàng

	QIV.2025	QIV.2024
Chi phí nhân viên	18.528.767.596	16.554.688.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.942.044.956	15.918.436.410
Chi phí bán hàng khác	22.652.269.789	21.203.171.356
Cộng	60.123.082.341	53.676.296.319

6. Chi phí quản lý

	QIV.2025	QIV.2024
Chi phí nhân viên	32.185.279.088	27.970.871.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.940.027.296	18.131.564.871
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	42.969.433.129	35.760.756.160
Cộng	93.094.739.513	81.863.192.446



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. Thu nhập khác

	QIV.2025	QIV.2024
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.811.635.321	-
Thu nhập khác	878.141.816	-
Cộng	2.689.777.137	-

8. Chi phí khác

	QIV.2025	QIV.2024
Chi phí tài trợ	(7.130.189.019)	14.332.688.147
Chi phí khác	689.131.693	17.982.963
Cộng	(6.441.057.326)	14.350.671.110

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Thị Loan
Người lập biểuNguyễn Nho Lương
Kế Toán Trưởng
Nguyễn Quốc Thắng
Tổng Giám Đốc144642
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XI MĂNG
VICEM HÀ TIÊN
P. CẦU ÔNG LÃNH
TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIỀN

Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.815.899.110.000	70.877.131.506	918.345.539.128	18.249.082.255	9.540.495.315	4.832.911.358.204
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	60.146.180.469	216.239.051	60.362.419.520
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(17.949.000.000)	-	(17.949.000.000)
Số dư cuối năm trước	3.815.899.110.000	70.877.131.506	918.345.539.128	60.446.262.724	9.756.734.366	4.875.324.777.724
Số dư đầu năm nay	3.815.899.110.000	70.877.131.506	918.345.539.128	60.446.262.724	9.756.734.366	4.875.324.777.724
Chia cổ tức	-	-	-	(38.158.991.100)	-	(38.158.991.100)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	273.733.616.880	196.738.284	273.930.355.164
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(22.287.000.000)	-	(22.287.000.000)
Số dư cuối kỳ	3.815.899.110.000	70.877.131.506	918.345.539.128	273.733.888.504	9.953.472.650	5.088.809.141.788

